SỐ NHÂN CHI TIÊU CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Trần Thọ Đạt*, Hà Quỳnh Hoa**

Nền kinh tế thế giới sau giai đoạn khủng hoảng 2007- 2009 cho đến nay vẫn chưa có tín hiệu phục hồi chắc chắn. Chính phủ các nước vẫn đang tiếp tục can thiệp để hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng. Bài viết này trình bày việc xác định độ lớn của số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam. Trên cơ sở kết quả ước lượng được về các hàm tiêu dùng, hàm đầu tư, hàm nhập khẩu và hàm thuế dựa trên cơ sở số liệu thu thập được từ Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tác giả đã xác định được số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam là 3,29. Với số nhân chi tiêu này, bài viết cho rằng để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 5,5% và tỷ lệ lạm phát dự kiến là 7% trong năm 2013, Chính phủ cần phải tăng chi tiêu khoảng 110 nghìn tỷ đồng so với năm 2012 (tăng 13,5%) và sẽ vượt dự toán năm 2013 là khoảng 9,7%.

Từ khóa: Hàm đầu tư, hàm nhập khẩu, hàm tiêu dùng, hàm thuế, số nhân chi tiêu, chi tiêu chính phủ.

1. Giới thiệu

Ngày 19 tháng 2 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013- 2020" (Thủ tướng Chính phủ, 2013). Trong Đề án này, Chính phủ đề ra định hướng tái cơ cấu một số lĩnh vực chủ yếu, trong đó có tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công. Để quá trình tái cơ cấu đầu tư công đạt hiệu quả, rất cần có một đánh giá cụ thể về mức độ tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu xác định độ lớn của số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam, qua đó đưa ra khuyến nghị đối với Chính phủ về việc điều chỉnh chi tiêu ngân sách nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Bài viết, ngoài phần giới thiệu, được chia thành ba phần: (i) Tổng quan về số nhân chi tiêu Keynes, (ii) Ước lượng số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam, và (iii) Kết luận.

2. Tổng quan về số nhân chi tiêu Keynes

Lý thuyết kinh tế học Keynes ra đời vào những năm 1930 khi trường phái cổ điển thất bại trong việc giải thích tình trạng sản lượng suy giảm, thất nghiệp tràn lan của Đại suy thoái kinh tế toàn cầu 1929-1933. Keynes đưa ra khái niệm cầu "hữu hiệu" và cho rằng chính biến số này là nhân tố quyết định mức sản lượng và việc làm trong nền kinh tế, ít nhất là trong ngắn hạn. Sự khác biệt cơ bản của Keynes với các nhà kinh tế tiền nhiệm thể hiện ở các nhận định: (i) tỷ lệ tiêu dùng trong tổng chi tiêu (tổng cầu) là tương đối ổn định, (ii) mức sản lượng hay việc làm trong nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào đầu tư. Keynes chứng minh rằng chi tiêu chính phủ sẽ tác động đến mức sản lượng/thu nhập thông qua cơ chế số nhân và ông rất chú trọng đến vai trò của Chính phủ trong việc quản lý tổng cầu.

Cơ sở lý thuyết Keynes chỉ ra rằng khi nền kinh tế gặp khủng hoảng thì chỉ cần có một cú huých tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm gia tăng tổng cầu và sản lượng của nền kinh tế. Mức độ khuếch đại của gia tăng chi tiêu đến sản lượng phụ thuộc vào độ lớn của số nhân chi tiêu. Trong một nền kinh tế mở với giả định tiêu dùng của hộ gia đình, nhập khẩu là hàm của thu nhập, chi tiêu chính phủ là ngoại sinh, và đầu tư không phụ thuộc vào thu nhập thì số nhân chi tiêu được xác định như sau:

$$m = \frac{1}{1 - MPC(1-t) + MPM}$$

trong đó:

- *MPC* là xu hướng tiêu dùng cận biên, cho biết khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị thì tiêu dùng cuối cùng của các hộ gia đình tăng thêm MPC đơn vị.

- *MPM* là xu hướng nhập khẩu cận biên, cho biết khi thu nhập quốc dân tăng thêm 1 đơn vị thì người dân nước đó sẽ trích ra MPM để tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu.

- *t* là tỷ lệ thuế thu nhập bình quân.

Theo công thức này thì độ lớn của số nhân chi tiêu tỷ lệ thuận với *MPC* và tỷ lệ nghịch với *MPM* và *t*.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng như các lý thuyết giải thích hành vi đầu tư lại cho thấy đầu tư là một biến số có quan hệ khá chặt với sự biến động của GDP. Khi nền kinh tế rơi vào suy thoái thì đầu tư bị giảm do các doanh nghiệp trong nền kinh tế thu hẹp sản xuất. Còn khi nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng thì đầu tư sẽ tăng. Đầu tư, do vậy cũng là hàm của thu nhập. Khi đó số nhân chi tiêu sẽ có giá trị lớn hơn, cụ thể là:

$$m = \frac{1}{1 - MPC(1-t) + MPM - \alpha}$$

trong đó, $\alpha > 0$ là hệ số phản ánh mối quan hệ của đầu tư đối với sự thay đổi của thu nhập.

Các nghiên cứu thực nghiệm về xác định số nhân chi tiêu đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới. Thông thường, số nhân trong lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm đơn giản xét đầu tư không phụ thuộc vào thu nhập theo giả định của Keynes. Ở Việt Nam, cũng đã có nghiên cứu về cơ cấu chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế, trong đó đã ước lượng hàm đầu tư phụ thuộc vào lãi suất.[1]

Các nghiên cứu về số nhân chi tiêu có đề cập đến quan hệ của đầu tư với sự thay đổi của thu nhập được xây dựng từ lý thuyết tân cổ điển về đầu tư. Shinji Yoshioka (2009) khi xem xét tính không ổn định của số nhân chi tiêu trong nền kinh tế Chile đã ước lượng hàm đầu tư theo các biến thu nhập, lãi suất và đầu tư trễ một thời kỳ, từ đó phân tích được ảnh hưởng cùng chiều của sự thay đổi về tăng trưởng và đầu tư trong quá khứ tới đầu tư. Nghiên cứu năm 1976 của Kelleher đã chứng minh mối quan hệ chặt chẽ của đầu tư với thu nhập và đầu tư quá khứ, còn lãi suất và các biến chi phí khác lại không có ý nghĩa trong việc giải thích hành vi đầu tư tư nhân. Năm 2013, Said Yousif Khairi sử dụng số liệu chéo để phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư của từng khu vực kinh tế của Libya, trong đó đầu tư cũng được xét trong mối quan hệ với thu nhập của các khu vực kinh tế. Một số nghiên cứu thực nghiệm khác lại cho thấy đầu tư chỉ phụ thuộc vào tình hình đầu tư trong quá khứ chứ không phụ thuộc vào thu nhập và cũng không phụ thuộc vào lãi suất như nghiên cứu của Ashimov và các cộng sự (2012) cho trường hợp của Cộng hòa Kazakhstan.

Như vậy, việc ước lượng hàm đầu tư phụ thuộc vào biến kinh tế nào không chỉ phụ thuộc vào lý thuyết và các giả định mà còn là một vấn đề mang tính thực tế, vì nó tùy thuộc vào nguồn số liệu cũng như là đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư của mỗi nước.

3. Ước lượng số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam

3.1. Số liệu

Số liệu trong nghiên cứu này được lấy từ Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời kỳ nghiên cứu là từ quý 1 năm 2000 đến quý 4 năm 2012. Các chuỗi số liệu được điều chỉnh theo giá năm 1994 bằng chỉ số điều chỉnh GDP.

3.2. Hàm tiêu dùng (CONS)

Các lý thuyết về hàm tiêu dùng giải thích các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định chi tiêu của các hộ gia đình. Theo Keynes (1936), tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập khả dụng hiện tại. Theo Fisher, tiêu dùng phụ thuộc không chỉ vào thu nhập hiện tại mà còn phụ thuộc vào thu nhập trong tương lai và lãi suất. Theo Friedman, tiêu dùng của mỗi người lại chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập thường xuyên, đồng thời phụ thuộc rất ít vào thu nhập tạm thời. Còn theo Modigliani, tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập hiện tại, thu nhập tương lai, thời gian làm việc, tuổi thọ dự kiến và của cải. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu định lượng về hàm tiêu dùng chưa được quan tâm nhiều. Một trong những lý do là vì hạn chế trong chuỗi số liệu thống kê của các biến giải thích tiêu dùng.

Sử dụng số liệu theo quý được thu thập từ GSO, hàm tiêu dùng theo quan điểm của Keynes được ước lượng dựa trên cơ sở chuỗi số liệu về chi tiêu của hộ gia đình (CONS) và thu nhập khả dụng (Y^D) (được lấy xấp xỉ bằng GDP trừ thuế (TAX)), sau đó sử dụng chỉ số điều chỉnh GDP để quy về giá trị thực theo giá so sánh năm 1994. Kết quả hàm tiêu dùng ước lượng được sau khi đã thực hiện tất cả các kiểm định liên quan có dạng như sau:

$$CONS = 0{,}65Y^D + 12497{,}9 \qquad (1)$$

se (0,084)***[2] (8092,7)

$R^2 = 0{,}89$ DW = 1,93

Hệ số đứng trước Y^D là xu hướng tiêu dùng cận

biên (*MPC*). Giá trị trong ngoặc đơn là sai số chuẩn. Hàm tiêu dùng ước lượng được có R^2 khá cao, và có thể giải thích thực tế ở mức 89%. Một số kiểm định đã được thực hiện cho kết quả là mô hình có phương sai là thuần nhất, không có tự tương quan và phần dư của mô hình tuân theo bước ngẫu nhiên hay phần dư là nhiễu trắng.[3] Với hàm tiêu dùng ước lượng được ở phương trình (1) thì xu hướng tiêu dùng cận biên có giá trị là 0,65. Điều này cho biết khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị thì chi tiêu cho tiêu dùng của hộ gia đình tăng 0,65 đơn vị.

3.3. Hàm thuế (TAX)

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam được tính lũy tiến theo Điều 22 và Luật này có hiệu lực từ ngày 1/1/2009. Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định 65/2013/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2013, hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Theo đó, biểu thuế không thay đổi nhưng có sự điều chỉnh về mức giảm trừ đối với người nộp thuế từ 4 triệu lên 9 triệu đồng/tháng và mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc từ 1,6 triệu đồng lên 3,6 triệu đồng/tháng. Sự điều chỉnh về mức giảm trừ này nhằm làm giảm gánh nặng thuế khi nền kinh tế liên tục có lạm phát cao và đồng tiền bị mất giá. Với mục đích nghiên cứu trên giác độ tổng thể, xác định tỷ lệ thu nhập mà tất cả các hộ gia đình phải đóng cho ngân sách nhà nước, nên không thể sử dụng biểu thuế lũy tiến của Chính phủ quy định, cũng như không thể xác định bằng cách tính tỷ lệ trung bình của thuế suất.

Nghiên cứu này ước lượng tỷ lệ thuế thu nhập bình quân dựa trên cơ sở số liệu về tổng thu thuế thu nhập mà Chính phủ thu được (*TAX*) trong mối quan hệ với tổng giá trị GDP của cả nền kinh tế (*Y*). Kết quả hồi quy được trình bày tóm tắt ở phương trình (2) với mô hình hồi quy đã thỏa mãn các kiểm định thống kê cần thiết như phương sai là thuần nhất, không có tự tương quan và phần dư là nhiễu trắng. Kết quả ước lượng được ở phương trình (2) cho thấy, tỷ lệ thuế thu nhập bình quân thời kỳ nghiên cứu đạt 16,5% thu nhập.

$$TAX = 0{,}165Y - 4267{,}8 \qquad (2)$$

se (0,00179)*** (516,5)***

$R^2 = 0{,}965$ DW = 2,1

Giá trị $R^2 = 0{,}965$ cho thấy hàm này có khả năng giải thích thực tiễn ở mức 96,5% mối quan hệ giữa thuế và thu nhập. Các nhân tố khác ảnh hưởng tới thu thuế của Chính phủ nằm trong hằng số -4267,8. Điều này phản ánh thực tế là không phải tất cả mọi người đều phải đóng thuế thu nhập mà Chính phủ còn thực hiện trợ cấp và miễn giảm thuế.

3.4. Hàm nhập khẩu (IM)

Nhập khẩu là một thành tố quan trọng phản ánh hoạt động của một nền kinh tế mở. Theo Goldstein và Khan (1985), có hai mô hình thương mại quốc tế: mô hình thay thế hoàn hảo (một quốc gia được giả định là một trong hai nước xuất hoặc nhập khẩu một loại hàng hóa), và mô hình thay thế không hoàn hảo (xuất khẩu và nhập khẩu không thay thế hoàn hảo cho hàng trong nước, nghĩa là cùng một lúc một quốc gia có thể đồng thời hoạt động như một nước xuất khẩu và nhập khẩu). Trong phân tích hàm cầu nhập khẩu cho Việt Nam thì mô hình thương mại không thay thế hoàn hảo được sử dụng để phân tích và được thể hiện theo phương trình:

$$\ln IM_t = a + a\ln\left(\frac{Pim_t}{Pd_t}\right) + b\ln Y_t + e_t$$

hay $lnIM_t = a + \alpha \ln RP_t + \beta \ln Y_t + \varepsilon_t$

trong đó: *IM* là giá trị nhập khẩu thực tế; *RP* là giá tương đối giữa giá nhập khẩu (Pim) với giá trong nước (Pd); Y: giá trị GDP thực tế; α và β lần lượt là hệ số co giãn của cầu nhập khẩu với giá tương đối và thu nhập trong nước. Trong nghiên cứu này, Pd được lấy đại diện bằng CPI và Pim được lấy đại diện bằng chỉ số giá nhập khẩu theo nhóm hàng hóa bình quân quý. *IM* được điều chỉnh về giá trị thực bằng chỉ số điều chỉnh GDP với năm gốc là 1994.

Dấu của α được kỳ vọng là âm bởi vì khi các nhân tố khác không thay đổi, nếu giá hàng hóa nhập khẩu lớn hơn giá hàng hóa sản xuất trong nước thì cầu hàng hóa nhập khẩu sẽ giảm. Dấu của β được kỳ vọng là dương, bởi vì trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi sự gia tăng của thu nhập trong nước sẽ làm tăng cầu nhập khẩu hàng hóa.

Mặt khác thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam cũng cho thấy tăng trưởng kinh tế một phần phụ thuộc vào đầu vào nhập khẩu. Do đó, nhập khẩu sẽ tăng khi sản xuất công nghiệp được mở rộng. Biến số phản ánh sự phát triển của khu vực công nghiệp, trong nghiên cứu này lấy *proxy* là chỉ số công nghiệp (*ID*). Đồng thời do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên kể từ quý 4 năm 2008 giá trị kim ngạch nhập khẩu của nền kinh tế bị giảm, nên biến *dummy* (DUM08Q4) được đưa vào để tính đến ảnh hưởng này. DUM08Q4 được gán có giá trị bằng 1 từ quý 4 năm 2008 và bằng 0 trước quý 4 năm 2008.

Dựa trên số liệu thu thập được từ Tổng cục Thống

kê, mô hình ước lượng được cho thấy phương sai là thuần nhất; không có tự tương quan và phần dư của mô hình là nhiễu trắng. Hàm nhập khẩu ước lượng được thể hiện trong phương trình (3) có dấu của các hệ số phù hợp với lý thuyết:

$$lnIM = 3,6382 + 0,299lnY - 1,247lnRP - 0,312DUM08Q4 + 0,769lnID \quad (3)$$

(1,116)*** (0,1602)* (0,6207)* (0,1307)** (0,1837)***

$R^2 = 0,94$ DW = 1,34

Kết quả ước lượng được ở phương trình (3) cho thấy hệ số co giãn của nhập khẩu theo thu nhập là 0,299, nghĩa là khi thu nhập trong nước tăng thêm 1% thì nhập khẩu của nền kinh tế tăng thêm 0,299% (các yếu tố khác không thay đổi). Hệ số co giãn của nhập khẩu theo giá *RP* là âm, hàm ý khi tỷ lệ giá hàng nhập khẩu so với giá hàng trong nước tăng thì nhu cầu nhập khẩu giảm, do hàng nước ngoài trở nên đắt tương đối so với hàng hóa sản xuất trong nước. Biến *DUM08Q4* có dấu âm cho thấy khủng hoảng kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng xấu tới nhập khẩu trong nước.

Với các hệ số trong hàm nhập khẩu ước lượng nêu trên, trên cơ sở thiết lập lại hàm nhập khẩu gốc, sau đó lấy đạo hàm của hàm nhập khẩu theo thu nhập sẽ tính được xu hướng nhập khẩu cận biên trung bình toàn thời kỳ nghiên cứu của nền kinh tế Việt Nam có giá trị khoảng 0,143. Như vậy, khi thu nhập quốc dân tăng 1 đơn vị thì nhập khẩu cho nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng 0,143 đơn vị (các yếu tố khác không thay đổi).

3.5. Hàm đầu tư (PIN)

Dưới góc độ tổng thể thì đầu tư của nền kinh tế được hình thành từ nhiều nguồn và từ nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Theo Tổng cục Thống kê, đầu tư của toàn xã hội[4] phân theo thành phần kinh tế gồm có đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước thông thường thực hiện theo mục đích của Chính phủ nhằm phát triển cơ sở hạ tầng và các hàng hóa công cộng, quyết định đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước không phụ thuộc nhiều vào lãi suất cũng như các biến kinh tế khác. Nghiên cứu này không đề cập tới tất cả các thành phần của tổng đầu tư của cả nền kinh tế mà chỉ xem xét đầu tư ngoài khu vực kinh tế nhà nước (trong nghiên cứu này gọi chung là đầu tư của khu vực tư nhân).

Hàm đầu tư được ước lượng để xét phản ứng của đầu tư với các biến kinh tế và được mô tả dưới dạng sau:

LnPINR = F(LnY,LnGINR,IR,LnPINR(-1))

Trong đó: *LnPINR, LnY, LnGINR* là giá trị logarit tự nhiên của đầu tư khu vực tư nhân; GDP thực tế và đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước, nguồn số liệu của các biến này được thu thập từ GSO và các giá trị danh nghĩa đều được điều chỉnh bằng về giá trị thực bằng chỉ số điều chỉnh GDP. *IR* là lãi cho vay thực tế bình quân đối với khu vực tư nhân của ngân hàng thương mại được thu thập từ ngân hàng Sacombank và GSO.

Các kiểm định thống kê cho thấy hàm đầu tư ước lượng được có phương sai là thuần nhất, không có tự tương quan và phần dư của mô hình là nhiễu trắng. Hàm đầu tư ước lượng được trong phương trình (4) cho thấy các biến số có dấu phù hợp với lý thuyết.

$$LnPINR = -5,59 + 1,175LnY - 0,227LnGINR - 0,022IR + 0,463LnPINR(-1) \quad (4)$$

se (1,6586)***(0,2859)*** (0,0869)** (0,0099)** (0,1334)***

$R^2 = 0,87$ DW = 1,91

Kết quả cho thấy đầu tư của khu vực tư nhân (*PINR*) tỷ lệ thuận với biến động kinh tế thông qua biến GDP (*Y*). Tăng trưởng kinh tế sẽ kéo theo sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân, mối quan hệ này phản ánh nhu cầu mua sắm máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hàng hóa tăng khi thu nhập của người dân tăng và ngược lại khi thu nhập giảm thì đầu tư cũng sẽ giảm đi. Kinh tế tăng trưởng thêm 1% thì đầu tư tư nhân tăng thêm 1,175%. Sự phụ thuộc này cũng cho thấy nếu như đầu tư trong nền kinh tế tăng thì sự khuyếch đại của chi tiêu đến sản lượng sẽ lớn hơn khi đầu tư không phụ thuộc vào thu nhập.

Như kỳ vọng, biến phản ánh chi phí của đầu tư là lãi suất (*IR*) có quan hệ ngược chiều. Khi lãi suất tăng 1 điểm % thì đầu tư của khu vực tư nhân giảm đi 0,022%, cho thấy một sự thay đổi nhỏ của đầu tư theo sự thay đổi của lãi suất. Hàm số ước lượng cũng cho thấy hai bộ phận của tổng đầu tư toàn xã hội là đầu tư của khu vực tư nhân và đầu tư khu vực kinh tế nhà nước (*GINR*) có quan hệ ngược chiều với nhau, cụ thể là nếu đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước tăng thêm 1% thì đầu tư của khu vực tư nhân giảm đi 0,22%.

Đầu tư là một biến số kinh tế vĩ mô có sự thay đổi theo chu kỳ kinh tế và một đặc tính của chu kỳ là có tính dai dẳng, nên nếu kỳ này đầu tư tăng thì thông thường kỳ sau đầu tư cũng sẽ tăng tiếp. Theo kết quả ước lượng được thì khi đầu tư của khu vực tư nhân ở kỳ trước tăng thêm 1% thì kỳ này đầu của khu vực

tư nhân cũng tăng và tăng thêm 0,46%.

Dựa trên kết quả ước lượng của hàm đầu tư như trên, hàm đầu tư gốc được thiết lập và lấy đạo hàm riêng theo thu nhập. Kết quả tính toán cho thấy giá trị đạo hàm riêng của đầu tư tư nhân theo thu nhập bình quân cả thời kỳ nghiên cứu là 0,297.

3.6. Số nhân chi tiêu

Thay các kết quả ước lượng được vào công thức số nhân chi tiêu, ta có:

$$m = \frac{1}{1-0,65(1-0,165)+0,143-0,297} = 3,29$$

Như vậy, so với số nhân chi tiêu chỉ xét tới *MPC, t, và MPM* thì trong nghiên cứu này, với hệ số phụ thuộc vào thu nhập của đầu tư là 0,297 thì giá trị của số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam đã lớn hơn. Nếu các khoản chi tiêu không phụ thuộc vào thu nhập thay đổi 1 đơn vị thì kết quả của nghiên cứu này cho thấy sản lượng của nền kinh tế sẽ thay đổi 3,29 đơn vị.

Kết quả tìm được của nghiên cứu này là có ý nghĩa trong bối cảnh nước ta đang thực hiện Đề án tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng mà Chính phủ đã phê duyệt. Theo Đề án này, chính sách tài khóa cần phải thực hiện một cách chặt chẽ, hiệu quả và triệt để tiết kiệm, chi ngân sách cần thực hiện theo hướng tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chính phủ cũng nhấn mạnh cần thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các trọng tâm tái cơ cấu, trong đó có tái cơ cấu đầu tư và trọng tâm là đầu tư công. Như vậy, đối với chính sách tài khóa, Chính phủ coi trọng khu vực đầu tư công và muốn có đồng vốn đầu tư công hiệu quả và minh bạch hơn trước. Kết quả xác định số nhân chi tiêu của nghiên cứu này sẽ giúp Chính phủ có thể xác định được liều lượng chi tiêu ngân sách nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng đã đặt ra.

Dựa trên kết quả tính được về số nhân chi tiêu như trên, có thể ước tính được con số chi tiêu của Chính phủ trong năm 2013. Cụ thể là để đạt mục tiêu tăng trưởng 5,5% và lạm phát là 7% thì Chính phủ cần tăng chi tiêu so với năm 2012 là khoảng 110.000 tỷ đồng và tăng khoảng 13,5%.[5] Và nếu thực hiện theo phương án này thì chi tiêu Chính phủ sẽ vượt dự toán của năm 2013 là khoảng 9,7%.

4. Kết luận

Số nhân chi tiêu là một nhân tố không thể thiếu khi xem xét vai trò của "*bàn tay hữu hình*" trong điều tiết kinh tế vĩ mô. Việc xác định được độ lớn của số nhân chi tiêu là 3,29 theo nghiên cứu này sẽ gợi mở cho các nhà hoạch định chính sách một cơ sở để xác định được độ lớn của các gói chi tiêu hoặc các kích thích cần phải có để đạt được mục tiêu kinh tế vĩ mô mà Chính phủ đặt ra. Tuy nhiên, để có thể có một khuyến nghị định lượng chính xác cho việc thực hiện chính sách tài khóa thì cần phải thực hiện thêm một số nghiên cứu nữa, chẳng hạn như các nghiên cứu từ phía tổng cung.□

Chú thích:

1. Phạm Thế Anh (2009), "Kích cầu và những tác động có thể có đến nền kinh tế vĩ mô", Tạp chí Tài chính, Số 1 (531), 2009.
2. Trong nghiên cứu này, ***; **; và * lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%.
3. Kiểm định White cho giá trị của xác suất của *Khi–bình phương* (p-value) bằng 0,5992 (lớn hơn 0,05) như vậy chấp nhận giả thuyết H0 phương sai của mô hình hồi quy là thuần nhất. Kiểm định BG (Breusch-Godfrey) cũng cho thấy giá trị xác suất *Khi–bình phương* bằng 0,1314 (lớn hơn 0,05), do vậy chấp nhận giả thuyết H0 không có tự tương quan. Ngoài ra, thông qua kiểm định DF (Dickey-Fuller) cho thấy phần dư của mô hình tuân theo bước ngẫu nhiên hay phần dư là nhiễu trắng (giá trị tuyệt đối thống kê t của kiểm định ADF = 5,9463 lớn hơn giá trị tuyệt đối của giá trị tới hạn ở mức ý nghĩa 1% là 3,6056).
4. Theo định nghĩa của Tổng cục Thống kê thì tổng đầu tư của nền kinh tế bao gồm có đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước gồm có vốn ngân sách nhà nước + Vốn vay + Vốn của các doanh nghiệp nhà nước và nguồn vốn khác.
5. Các bước tính toán được thực hiện như sau: (i) tính GDP thực tế năm 2013 tăng thêm so với năm 2012 dựa trên tỉ lệ tăng trưởng 5,5%, (ii) tính giá trị chi tiêu chính phủ năm 2013, (iii) tính chỉ số giá cho năm 2013 dựa trên mục tiêu lạm phát 7%, và (iv) điều chỉnh giá trị chi tiêu của chính phủ đã tính được về giá trị danh nghĩa.

Tài liệu tham khảo:

Ashimov, A.A *et.al.* (2012), 'Macroeconomic analysis and economic policy based on parametric control', DOI 10.1007/978-1-4614-1153-6_2.

Goldstein & Khan (1985), 'Income and price effects on foreign trade', *Handbook of International Economics*, Vol. II, edited by R. W. Jones and P.B. Kenen, Elsevier Science Publishers B. V.

Kelleher, R. (1976), *A Note on Investment Functions*, Central Bank of Ireland technical paper No. 6/RT/76.

Keynes J. M. (1936), *The General theory of employment, interest rate and money*, Bản dịch của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, NXB Giáo dục, 1994.

Phạm Thế Anh (2009), 'Kích cầu và những tác động có thể có đến nền kinh tế vĩ mô', *Tạp chí Tài chính*, Số 1 (531), 2009.

Said Yousif Khairi (2013), 'Estimation of Investment Function System for Economic Sectors by Using Pooling Data', *Proceeding of the Global Conference on Business, Economics and Social Sciences (GBSR 2013)*.

Shinji Yoshioka (2009), 'Uncertainty of Keynesian Multiplier in Chile: Emperical evidence from stochastic simulation', Faculty of Economics, Nagasaky University.

Thủ tướng Chính phủ (2013*), Quyết định số 339/QĐ-TTg "Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013- 2020"*, ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2013.

Spending multiplier of Vietnam's economy

Abstract:

Since the time global economic crisis pushed the world economy into its worst crisis during 2007 - 2009, the economic recovery signal has not been clear. Almost all governments in the world are still putting their efforts to intervene in their economies through a number of economic stimulus packages. This paper tries to estimate the magnitude of the spending multiplier of Vietnam's economy. With data collected from the General Statistics Office and the State Bank of Vietnam, the consumption-function, investment function, import function and tax functions are estimated, respectively. As a result, the expenditure multiplier of Vietnam's economy is calculated as of 3.29. The paper shows that in order to achieve the target of economic growth of 5.5% and the inflation rate of 7 % in 2013, the government needs to increase its spending, compared with 2012, by approximately VND 110 trillion VND, which is about 13.5% higher than that of 2012. Consequently, the government spending will be 9.7% higher than that of 2012.

Thông tin tác giả:

***Trần Thọ Đạt**, Giáo sư, tiến sĩ*

- Nơi công tác: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kinh tế học biến đổi khí hậu.

- Một số tạp chí đã từng đăng tải bài viết: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Journal of Economics and Development, Vietnam's Socio-Economic Development Review.

Email: tranthodat@neu.edu.vn

****Hà Quỳnh Hoa**, Tiến sĩ*

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế học, Trường đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế học, Phân tích chính sách Kinh tế vĩ mô, Chính sách tiền tệ, Chính sách tài khóa, Tài chính, Ngân hàng.

- Một số tạp chí đã từng đăng tải bài viết: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Journal of Economics and Development, Vietnam's Socio-Economic Development Review.

Email: hoahq.neu@gmail.com